

Bản án số: 24/2025/DSST
Ngày: 22 - 7 - 2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hứa Thị Hà**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà.

2. Ông Lương Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thanh Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2025/TLST-DS ngày 23/4/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX – DSST ngày 13/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ - DSST ngày 04/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; Địa chỉ cũ: 226 – 268 N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ mới: 266 – 268 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sau đây gọi tắt là Công ty SBA). Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Phan Tấn D2 – Chức vụ: Chủ tịch kiêm tổng giám đốc. Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Hải – Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Theo văn bản ủy quyền số 2887/2025/GUQ-PL ngày 29 tháng 4 năm 2025). (Có đơn xin xét xử mặt).

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị C**, sinh năm: 1966; HKTT và nơi ở: Đội 5, xã T,

Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín trình bày:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bên vay là bà Phạm Thị C đã ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số thẻ 356480 – 7985 ký ngày 30/01/2018 (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”) với hạn mức sử dụng là 20,000,000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Mục đích sử dụng: Tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19,700,000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng*). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9,482,044 đồng (*Chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*) (Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ trừ lãi, phí trước, sau đó mới trừ tiếp vào giao dịch, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo số thứ tự gốc trước, lãi sau). Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà C vẫn không có thiện ý trả nợ; ngày 01/08/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tạm tính đến hết ngày 22/7/2025, bà C còn nợ các khoản sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Thông tin dư nợ	Cho vay trả góp
1	Tổng nợ gốc	17,150,207
2	Tổng nợ lãi	46,799,154
3	Tổng dư nợ	63,949,361

Cách tính lãi quá hạn quy định theo biểu lãi suất của từng thời kỳ: $2.5\% \times 150\% = 3.75\%$

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, kính đề nghị Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý đơn khởi kiện và đưa vụ việc ra xét xử giải quyết những yêu cầu sau: Buộc bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng dư nợ còn thiếu của Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 356480 - 7985 hai bên đã ký kết ngày 08/02/2018 tạm

tính đến ngày 22/7/2025 là 63,949,361 đồng (*Sáu mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*). Buộc bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín các khoản nợ lãi, phí phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số thẻ 356480 – 7985 ký ngày 30/01/2018 kể từ ngày 23/07/2025 cho đến khi tất toán khoản nợ. Trường hợp bà Phạm Thị C không trả nợ, tất toán được khoản vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên các tài sản khác và khấu trừ nguồn thu hợp pháp của bà Phạm Thị C để xử lý thu hồi nợ.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - Bà Phạm Thị C mặc dù đã được tổng đạt các văn bản hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm, không có đơn phản tố cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau: Xác minh tại Trụ sở UBND xã Q (cũ) thì bà Phạm Thị C, sinh năm: 1966; có đăng ký HKTT và đang sinh sống tại Đội 5, xã Q, huyện T, Thành phố Hà Nội này là Đội 5, xã T, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa :

- Đại diện nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi văn bản ý kiến cho Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà C

Buộc bà Phạm Thị C thanh toán số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 356480 - 7985 hai bên đã ký kết ngày 30/01/2018 cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tính đến ngày 22/7/2025 là 63,949,361 đồng, trong đó nợ gốc: 17,150,207 đồng, lãi quá hạn: 46,799,154 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2025, bà Phạm Thị C còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định;

về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều đã được tổng đạt hợp lệ về phiên tòa nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín về việc buộc bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến ngày 22/7/2025 là 63,949,361 đồng, trong đó nợ gốc: 17,150,207 đồng, lãi quá hạn: 46,799,154 đồng. Kể từ ngày 23/7/2025, bà Phạm Thị C còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Bà Phạm Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bà Phạm Thị C là tranh chấp giữa một bên doanh nghiệp có tư cách pháp nhân với một bên là cá nhân vay với mục đích tiêu dùng nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đội 5, xã Q, huyện T, Thành phố Hà Nội nay là Đội 5, xã T, Thành phố Hà Nội thời điểm ký đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số thẻ 356480 - 7985 hai bên đã ký kết ngày 30/01/2018 bà C cũng cung cấp địa chỉ trên do vậy Tòa án khu vực 11 – Hà Nội giải quyết là đúng theo quy định tại điều 11 luật cư trú năm 2020 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng :

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ 2 cho bị đơn bà Phạm Thị C nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn – Bà Phạm Thị C đều vắng mặt, các văn bản tố tụng đều được niêm yết công khai, nhưng bà C không có mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết. Căn cứ khoản 2, Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 08/02/2018 đều được ký kết bởi đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với bà Phạm Thị C trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, có mục đích và nội dung, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số thẻ 356480 - 7985 với hạn mức sử dụng 20,000,000 cho bà Phạm Thị C. Quá trình sử dụng, bà Phạm Thị C đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 9,482,044 đồng nợ gốc và lãi. Sau đó, bà Phạm Thị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 01/08/2019. Nay, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà C phải thanh toán số nợ gốc còn lại tính đến ngày 22/7/2025 là 17,150,207 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khoản nợ gốc tính đến ngày 22/7/2025 là 17,150,207 đồng.

[3.2]. Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số thẻ 356480 – 7985 ký ngày 30/01/2018

*Xét theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp

đồng.

Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *“Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: *“Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả”*. Xét thấy căn cứ trên bản kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, lãi suất để tính lãi phát sinh phù hợp với quy định của pháp luật; về lãi quá hạn, các bên thỏa thuận bằng $2.5\% \times 150\% = 3.75\%/tháng$ là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay 1627, điểm b khoản 5 điều 466 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị C phải thanh toán nợ lãi trong hạn cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tính đến ngày 22/7/2025. Cụ thể nợ lãi quá hạn: 46,799,154 đồng.

[3.3]. Như vậy, buộc bà Phạm Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/7/2025 là 63,949,361 đồng, trong đó nợ gốc: 17,150,207 đồng, lãi quá hạn: 46,799,154 đồng.

[3.4]. Kể từ ngày 23/7/2025, bà Phạm Thị C còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 356480 - 7985 hai bên đã ký kết ngày 30/01/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền được chấp nhận, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được nhận lại 1,377,000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên

đơn, số tiền là 3,197,468 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 207; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với bà Phạm Thị C.

2. Buộc bà Phạm Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số thẻ 356480 - 7985 hai bên đã ký kết ngày 30/01/2018; tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/7/2025 là 63,949,361 đồng; trong đó nợ gốc: 17,150,207 đồng, lãi quá hạn: 46,799,154 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2025, bà Phạm Thị C còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Trường hợp Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Phạm Thị C phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh

cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3,197,468 đồng (*Ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*)

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1,377,000 đồng (*Một triệu ba trăm bảy mươi bảy đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0016737 ngày 23/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Viện KSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THDS Khu vực 11 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Hà

